

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô NCS hiện tại
		Tiến sĩ
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	12 NCS
2	Khối ngành VI	69 NCS

B. Công khai thông tin về NCS tốt nghiệp (năm 2022)

STT	Khối ngành	Số NCS tốt nghiệp
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	01
2	Khối ngành VI	07

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Khung chương trình đào tạo ngành Dịch tễ học:

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
<i>1</i>		<i>Các học phần bổ sung</i>		<i>1</i>
<i>1.1</i>		<i>NCS chưa có bằng thạc sĩ hoặc có bằng thạc sĩ không thuộc ngành đúng hoặc ngành phù hợp</i>	Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
		Toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Dịch tễ học		
<i>1.2</i>		<i>NCS đã có bằng thạc sĩ ngành phù hợp</i>	Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học nâng cao		
	ThS.2	Dịch tễ học các bệnh phổ biến		
	ThS.3	Thống kê và tin học y học		
	ThS.4	Sức khỏe môi trường		

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2	Các học phần trình độ tiến sĩ		16	1-2
2.1	Học phần bắt buộc		13	
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.3	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.4	Đánh giá can thiệp	3	
2.2	Học phần tự chọn (chọn 1 trong các học phần sau)		3	
	TS.5a	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch	3	
	TS.5b	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5c	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm	3	
	TS.5d	Dịch tễ học sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5e	Quản lý và phân tích số liệu	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Chuyên đề tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng vấn đề sức khỏe cộng đồng	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố nguy cơ đối với bệnh tật	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Hiệu quả các biện pháp/mô hình can thiệp	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

2. Khung chương trình đào tạo ngành Khoa học y sinh

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Khoa học y sinh		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2.	Đối với NCS có bằng Ths chuyên ngành gần: Học bổ sung			
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Vi sinh y học		
	ThS.3	Miễn dịch học		

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 4 học phần (13 tín chỉ)				
2.2.1	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học y sinh	4	
2.2.2	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu y sinh học	3	
2.2.3	TS.3	Sinh học phân tử ứng dụng	3	
2.2.4	TS.4	Vắc xin và các chế phẩm sinh học	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
2.2.1	TS.5a	Ứng dụng tin sinh học trong nghiên cứu sinh học phân tử và di truyền	3	
2.2.2	TS.5b	Vi rút y học nâng cao	3	
2.2.3	TS.5c	Vi khuẩn y học nâng cao	3	
2.2.4	TS.5d	Miễn dịch học ứng dụng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
4.1	CD1	Chuyên đề 1: Tổng quan về vi sinh y học	2	
4.2	CD2	Chuyên đề 2: Phương pháp nghiên cứu về vi sinh y học	2	
4.3	CD3	Chuyên đề 3: Đặc điểm dịch tễ học phân tử của vi sinh gây bệnh	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)			108	

3. Khung chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1. NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y học dự phòng			<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2. NCS có bằng Thạc sĩ ngành phù hợp			Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học các bệnh lây và không lây		
	ThS.2	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		
	ThS.1	Sức khỏe môi trường		
	ThS.2	Sức khỏe nghề nghiệp		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ				
2.1	Các học phần bắt buộc: 4 học phần (14 tín chỉ)		13 TC	1-2

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4	Quản lý hệ thống y tế	3	
2.2	Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây		3 TC	1-2
	TS.5a	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.5b	Đánh giá can thiệp		
	TS.5c	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		
	TS.5d	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm		
	TS.5đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm		
	TS.5e	Đánh giá nguy cơ		
	TS.5g	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch		
	TS.5h	Kinh tế y tế		
	TS.5i	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế		
	TS.5k	Quản lý dự án, chương trình y tế		
	TS.5l	Quản lý nguồn lực y tế		
	TS.5m	Lập kế hoạch y tế		
3	Đề cương chi tiết		6	
4.	Các chuyên đề tiến sĩ theo các hướng nội dung sau:		6	1- 2
	Chuyên đề 1: Thực trạng của vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

4. Khung chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y tế công cộng		Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp		Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học		
	ThS.2	Thống kê y học		
	ThS.3	Tổ chức và quản lý y tế		
	ThS.4	Chọn 1 trong 4 môn: - Sức khỏe nghề nghiệp - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và VSATVSTP - Giáo dục và nâng cao sức khỏe		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (10 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
2.2. Các học phần tự chọn (2 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.5a	Kinh tế y tế	3	
	TS.5b	Sức khỏe toàn cầu	3	
	TS.5c	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.5d	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5đ	Kiểm soát bệnh do véc tơ truyền và động vật truyền		
	TS.5e	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.5g	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5h	Phân tích dịch tễ học chuyên sâu	3	
	TS.5i	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CĐ1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề y tế công cộng liên quan đến luận án	2	
	CĐ2	Chuyên đề 2: Các yếu tố liên quan và nguy cơ	2	
	CĐ3	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

5. Khung chương trình đào tạo ngành Quản lý y tế

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Quản lý y tế		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			
	ThS.1	Quản lý y tế	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Chính sách y tế		
	ThS.3	Quản lý chất lượng		
	ThS.4	Tổ chức hệ thống y tế		
2.	Các học phần trình độ Tiến sĩ		13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý hệ thống y tế	3	
	TS.3	Quản lý và phân tích số liệu	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.4	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế	3	
	TS.4b	Quản lý Dự án, chương trình y tế	3	
	TS.4c	Quản lý nguồn lực y tế	3	
	TS.4d	Lập kế hoạch y tế	3	
	TS.4đ	Quản lý phòng xét nghiệm/thí nghiệm	3	
	TS.4e	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4g	Kinh tế y tế	3	
	TS.4h	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4i	Đánh giá nguy cơ	3	
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ				
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề quản lý y tế	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý y tế	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Các biện pháp can thiệp về quản lý/chính sách y tế	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

6. Khung chương trình đào tạo ngành Vi sinh vật học

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
2.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Vi sinh vật học		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
2.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Công nghệ sinh học VSV		
	ThS.3	Vi sinh vật học phân tử		
	ThS.4	Vi sinh vật học môi trường		
	ThS.5	Trao đổi chất ở vi sinh vật		
	ThS.6	Công nghệ protein tái tổ hợp		
	ThS.7	Công nghệ chế tạo sinh phẩm chẩn đoán		
3. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Vi rút học nâng cao	3	
	TS.4	Vi khuẩn học nâng cao	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm virus	3	
	TS.4b	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm vi khuẩn	3	
	TS.4c	Công nghệ sản xuất vắc xin	3	
	TS.4d	Ứng dụng sinh học phân tử trong nghiên cứu vi sinh vật	3	
	TS.4đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	2
	CD1	Vi sinh vật đại cương	2	
	CD2	Các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu	2	
	CD3	Chuyên đề tự chọn liên quan đến luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Bệnh viêm não Nhật Bản	2010	
2	Virus Rota: Dịch tễ, miễn dịch và vắc xin	2010	
3	Nhiễm trùng bệnh viện	2010	
4	Virus Y học	2010	
5	Vi khuẩn y học	2011	
6	Mycobacterium Tuberculosis và các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán	2011	
7	Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh	2011	
8	Dịch tễ học nhiễm HIV/AIDS	2011	
9	Xét nghiệm một số vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm	2012	
10	Thực hành và quản lý phòng xét nghiệm	2012	
11	Cúm A/H1N1/09 đại dịch tại Việt Nam	2012	
12	Xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
13	Xét nghiệm chẩn đoán vi rút (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
14	Dịch tễ học (giáo trình giảng dạy sau đại học)	2013	
15	Quy trình xét nghiệm vi sinh vật y học	2013	
16	Dịch tễ học phân tử virus viêm não Nhật Bản	2014	
17	Vi rút đại và các phương pháp chẩn đoán	2014	
18	Vi rút viêm não Nhật bản. Giám sát bệnh và các kỹ thuật xét nghiệm	2014	
19	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho giảng viên tuyến trung ương)	2016	
20	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho học viên tuyến cơ sở)	2016	
21	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu	2016	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
	đào tạo dành cho học viên tuyển trung ương và tuyển tỉnh)		
22	Peple living with HIV in Vietnam. Factors Affecting rick taking, Health and help seeking behaviour	2016	
23	Tài liệu hướng dẫn giảng dạy xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	2017	
24	Vi khuẩn lao: sự tiến hóa, kháng thuốc và các kỹ thuật sinh học phân tử	2017	
25	Thống kê Y sinh học ứng dụng (GT giảng dạy SDH)	2017	
26	Phòng tránh các bệnh thường gặp theo mùa	2018	
27	Virus Cúm và phát triển vaccine Cúm tại Việt Nam (Sách chuyên khảo)	2018	
28	Hỏi - đáp về HPV và các bệnh liên quan	2019	
29	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng nhiễm HPV và ung thư cổ tử cung	2019	
30	Vi rút Y học (Giáo trình giảng dạy sau đại học)	2020	
31	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
32	Phương pháp tính cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu y sinh học	2020	
33	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
34	Xoắn khuẩn vàng da: Dịch tễ, lâm sàng và chẩn đoán	2021	
35	Sốt xuất huyết Dengue và một số biện pháp dự phòng	2021	
36	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học	2021	
37	Dịch tễ học: Giáo trình bậc đại học	2021	
38	Giám sát và phòng chống côn trùng và động vật y học của một số bệnh phổ biến ở người	2021	
39	Chẩn đoán bệnh Covid-19 trong phòng thí nghiệm	2022	
40	Chẩn đoán bệnh Sốt xuất huyết Dengue trong phòng thí nghiệm	2022	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
41	Chẩn đoán bệnh Tay chân miệng trong phòng thí nghiệm	2022	

E. Công khai thông tin về luận án tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Thời gian bảo vệ: từ tháng 01-12/2022

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thực trạng tổ chức và quy trình hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cấp cơ sở và hiệu quả can thiệp. <i>Chuyên ngành:</i> Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế - 62 72 01 64	Hoàng Hoa Sơn	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Tiến – Bộ Y tế 2. GS.TS. Phan Thị Ngà – Viện VSDTTU	Xem tại đây: http://luanvan.moet.edu .vn/?page=1.26&view=3 8708
2	Thực suy giảm thính lực, một số yếu tố liên quan và hiệu quả dự phòng bằng bổ sung Mg-B6 ở bộ đội binh chủng tăng thiết giáp năm 2017-2018. <i>Chuyên ngành:</i> Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế - 62 72 01 64	Nguyễn Tài Dũng	1. GS.TS. Nguyễn Trần Hiền - Viện VSDTTU 2. TS. Đoàn Thị Thanh Hà – Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Xem tại đây: https://luanvan.moet.go v.vn/?page=1.26&view= 38951
3	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng sốt rét và hiệu quả giám sát, phát hiện, điều trị tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, 2018-2019. <i>Chuyên ngành:</i> Y tế công cộng - 62 72 01 64	Nguyễn Văn Khởi	1. PGS.TS. Lê Thành Đồng - Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng TP. Hồ Chí Minh 2. PGS.TS. Lê Thị Phương Mai - Viện VSDTTU	Xem tại đây: http://luanvan.moet.edu. vn/?page=1.30&view=3 9448
4	Một số đặc điểm dịch tễ học, yếu tố nguy cơ gây nghe kém tiếp nhận và hiệu quả can	Lại Thu Hà	1. PGS.TS. Vũ Đình Thiểm – Viện VSDTTU	Xem tại đây:

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	thiệt đeo máy trợ thính ở trẻ dưới 3 tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung ương. <i>Chuyên ngành:</i> Dịch tễ học – 62 72 01 17		2. TS. Phan Hữu Phúc – Bệnh viện Nhi Trung ương	http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.37&view=39478
5	Đặc điểm phân tử vùng gen L1, E6 và E7 của Human Papillomavirus trên một số nhóm đối tượng và phát triển bộ mẫu chuẩn cho 14 typ nguy cơ cao ở Việt Nam. <i>Ngành:</i> Vi sinh vật học – 9 42 01 07	Lưu Thị Dung	1. PGS.TS. Nguyễn Văn Trang – Viện VSDTTU 2. GS.TS. Phan Thị Ngân – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-luu-thi-dung
6	Tình trạng kháng kháng thể trung hòa vi rút sởi ở phụ nữ 18-30 tuổi và hiệu quả tiêm vắc xin sởi cho phụ nữ trước mang thai trong phòng bệnh cho con ở huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. <i>Ngành:</i> Dịch tễ học – 9 72 01 17	Đào Hữu Thân	1. GS.TS. Nguyễn Trần Hiền – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-ket-luan-moi-luan-an-ncs-tran-quoc-cuong
7	Đánh giá tác động của vắc xin Rotavin-M1 đối với sự lưu hành của vi rút Rota và một số vi rút khác gây tiêu chảy ở trẻ em tại Nam Định và Thừa Thiên Huế. <i>Ngành:</i> Vi sinh vật học - 9 42 01 07	Phạm Thị Phương Thảo	1. PGS.TS. Nguyễn Văn Trang - Viện VSDTTU 2. GS.TS. Nguyễn Đăng Hiền – Trung tâm NC-SX Vắc xin và Sinh phẩm y tế	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-va-thoi-gian-bao-ve-luan-an-cap-vien-cua-ncs-pham-thi-phuong-thao
8	Nghiên cứu sự lưu hành và đặc điểm phân tử của một số vi rút Coxsackie và Echo ở trẻ em nghi mắc Tay Chân Miệng tại miền	Tạ Thị Thu Hồng	1. TS. Trần Thị Nguyễn Hòa - Viện VSDTTU 2. TS. Dương Công Thành - Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ tại Việt Nam	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-va-thoi-gian-bao-ve-luan-an-cap-vien-cua-ncs-ta-thi-thu-hong

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Bắc, Việt Nam, 2008-2018. <i>Ngành:</i> Vi sinh vật học - 9 42 01 07			
9	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng sốt rét và hiệu quả điều trị có giám sát trực tiếp trường hợp bệnh sốt rét tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, 2019-2020. <i>Ngành:</i> Y tế công cộng – 9 72 07 01	Đoàn Đức Hùng	1. GS.TS. Đặng Đức Anh – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Hồ Văn Hoàng – Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-va-thoi-gian-bao-ve-luan-an-cap-vien-cua-ncs-doan-duc-hung
10	Thực trạng, một số yếu tố liên quan nhiễm E. coli mang gen kháng kháng sinh mcr-1 ở người, vật nuôi và môi trường tại trang trại xã Yên Nam, tỉnh Hà Nam. <i>Ngành:</i> Y tế công cộng – 9 72 07 01	Nguyễn Thị Lan Phương	1. TS. Trần Huy Hoàng – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Thi Thơ – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-va-thoi-gian-bao-ve-luan-an-cap-vien-cua-ncs-nguyen-thi-lan-phuong
11	Thực trạng người mang ký sinh trùng sốt rét không triệu chứng và thiếu Glucose-6-Phosphate Dehydrogenase trong cộng đồng tại một số vùng sốt rét trọng điểm, tỉnh Đắk Nông, 2018-2020. <i>Ngành:</i> Y tế công cộng – 9 72 07 01	Nguyễn Đức Giang	1. GS.TS. Vũ Sinh Nam – Viện VSDTTU 2. TS. Huỳnh Hồng Quang – Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-va-thoi-gian-bao-ve-luan-an-cap-vien-cua-ncs-nguyen-duc-giang
12	Thực trạng và chi phí đầy đủ dịch vụ khám, chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình năm 2018. <i>Ngành:</i> Y tế công cộng – 9 72 07 01	Đặng Thành Nam	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thùy Dương - Viện VSDTTU 2. TS. Thẩm Chí Dũng – Bộ Y tế	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-dang-thanh-nam

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
13	Thực trạng tăng huyết áp ở người 18-69 tuổi tại quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và hiệu quả can thiệp, 2018-2020. Ngành: Y tế công cộng – 62 72 03 01	Trần Quốc Cường	1. PGS.TS. Lê Văn Bào – Học viện Quân y 2. TS. Nguyễn Anh Tuấn – Học viện Quân y	Xem tại đây: http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.30&view=40974
14	Thực trạng kháng kháng sinh của một số vi khuẩn thường gặp ở cộng đồng và một số yếu tố liên quan ở Việt Nam năm 2018-2019. Ngành: Y tế công cộng – 62 72 03 01	Trần Thị Mai Hưng	1. TS. Trần Huy Hoàng – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Dương Thị Hồng – Viện VSDTTU	Xem tại đây: http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.30&view=40989

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức:

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị khoa học NCS	Tháng 12/2022	Viện VSDTTU	80

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
Cấp Nhà nước						
1	Đánh giá ảnh hưởng của kháng thể tồn lưu kháng vi rút Dengue, viêm não Nhật Bản, zika đến khả năng	GS.TS. Lê Thị Quỳnh Mai		3/2023-12/2025	3.230	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	nhiễm vi rút Dengue tại Việt Nam, Thái Lan và vai trò của kháng thể trung hoà phổ rộng mới đặc hiệu nhóm Flavivirus					
2	Khai thác và phát triển nguồn gen vi khuẩn kỵ khí Clostridioides difficile(For ribotyping 369,017,012 và 046) để chế tạo kit chẩn đoán và phục vụ nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh nhiễm trùng do Clostridioides difficile gây ra	ThS. Tăng Thị Nga		2023-2025	4.570	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
3	Nghiên cứu hệ peptide ở bệnh nhân viêm não do tác nhân vi sinh vật và ứng dụng trong chẩn đoán	PGS. TS. Trần Như Dương	Nghị định thư hợp tác Israel – Việt Nam	2021-2023	6.400	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
4	Ảnh hưởng của tiền sử phơi nhiễm vi rút cúm A/H3N2 đến hiệu quả bảo vệ của vắc xin phòng vi rút cúm mùa.	TS. Hoàng Vũ Mai Phương		2019-2023	1.400	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đang thực hiện
5	Nghiên cứu sản xuất bộ kt LAMP phát hiện nhanh gen độc tố của Clostridium botulinum gây bệnh ngộ độc thịt	TS. Lê Huy Hoàng		2021-2022	1.633	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đang thực hiện
6	Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam.	GS.TS. Đặng Đức Anh	Hợp tác song phương với Vương quốc Anh	01/10/2016-30/3/2019	3.670	Đề tài nghiên cứu cơ bản -Đã nghiệm thu
7	Đánh giá thực trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam, xác định đặc điểm cấu trúc	TS. Trần Huy Hoàng (HNQT/SP ĐP/02.16)		10/01/16-30/3/2019	3.820	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	gen và yếu tố liên quan của các vi khuẩn kháng thuốc thường gặp ở Việt Nam.					
8	Dịch tễ học vi rút cossakie và echo gây bệnh chân tay miệng tại các tỉnh miền Bắc, Việt Nam, 2013-2017. (Đề tài nhánh cấp Nhà nước)	TS. Trần Thị Nguyễn Hòa		4/2017-01/04/19	1.350	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
9	Nghiên cứu khả năng phát tán và nguy cơ gây bệnh tiêu chảy của Cryptosporidium trong chất thải Biogas ở các hộ gia đình tại Bắc Giang (108.04-2018.09)	TS. Nguyễn Thị Thùy Trâm		12/2018-12/2022	1.200	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
10	Phân tích quần thể gen kháng kháng sinh và mối liên quan đến tỉ lệ mang gen NDM và MCR-1 kháng kháng sinh từ các ổ chứa ở cộng đồng tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	TS. Trần Huy Hoàng		9/2018-8/2022	1.225	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
Cấp Bộ và thành phố						
1	Nghiên cứu chế tạo bộ kit quantitative realtime PCR (qPCR) định lượng vi khuẩn Fusobacterium nucleatum (Fn) trong mẫu phân góp phần chẩn đoán ung thư đại trực tràng trên địa bàn Hà Nội.	ThS. Hà Thị Phương Mai		7/2021-7/2024	1.650	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đang thực hiện
2	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và gánh nặng chi phí điều trị của viêm não vi rút tại 3 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, 2017-2018.	PGS. TS. Trần Như Dương		6/2017-6/2020	2.940	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
3	Nghiên cứu chế tạo chứng dương ARN kháng RNase (Armored RNA) cho RT-PCR, ứng dụng trong phát hiện nhiễm virus Zika tại Hà Nội.	Ths. Đỗ Quỳnh Nga		01/2018-8/2020	1.750	Đề tài nghiên cứu ứng dụng – Đã nghiệm thu
4	Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel), nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội	Ths. Vũ Thị Kim Liên		8/2017-7/2020	1.450	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
Cấp Viện						
1	Thực trạng mắc triệu chứng hậu COVID 19 ở trẻ 12-18 tuổi tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, năm 2023	ThS. Nguyễn Công Khanh		12/2022-12/2023	35,5	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
2	Nghiên cứu đặc điểm sinh học phân tử của <i>Klebsiella pneumoniae</i> và <i>Bacteroides fragilis</i> gây áp xe gan tại bệnh viện Bạch Mai	ThS. Lê Thị Trang		5/2022-11/2023	100	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
3	Tình trạng trầm cảm sau sinh và các yếu tố liên quan của bà mẹ có con dưới 12 tháng tuổi đến khám và điều trị tại bệnh viện Nhi Hải Dương	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		5/2022-9/2023	40,2	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
4	Xác định vi khuẩn lao đột biến kháng thuốc bằng phương pháp giải trình tự whole genome sequencing	TS. Phạm Thị Kim Liên	Tổ chức PATH	02/2022-6/2024	231	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Đánh giá mẫu giấy thấm tách huyết tương cobas® plasma separation card trong xét nghiệm tải lượng HIV trên thực địa tại Việt Nam.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Viện Pasteur Paris	12/2021-06/2023	778	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
6	Xác định cụm lây truyền HIV đang xảy ra bằng phương pháp phân tích cây gia hệ và đột biến kháng thuốc cho hoạt động đáp ứng y tế công cộng tại Việt Nam.	TS Phạm Hồng Thắng	CDC Mỹ	12/2021-12/2025	1011	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
7	Thực trạng sự sẵn có thuốc thiết yếu trong điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường tại một số trạm y tế xã, 2020	ThS. Tạ Ngọc Hà ThS. Tạ Minh Khuê	Tổ chức PATH	02/2022-12/2022	300	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
8	Nghiên cứu phát hiện vi rút polio và một số vi rút đường ruột trong mẫu nước thải thu thập ngoài môi trường, 2020-2021.	TS. Trần Thị Nguyễn Hoà TS. Vũ Hải Hà	WHO	06/2021-7/2022	690	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
9	Đặc điểm vi rút học bệnh sốt xuất huyết Dengue tại Cần Thơ 2018-2019.	Nguyễn Thị Bích Hậu	Đại học Nagasaki Nhật Bản	6/2021-05/2022	370	ĐTNC cơ bản
10	Thực trạng sức khoẻ tâm thần ở nhân viên y tế dự phòng tham gia hoạt động phòng chống dịch Covid-19 tại Việt Nam.	TS. Phạm Quang Thái		01/2021-12/2021	25,5	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
11	Đặc điểm sinh học phân tử của vi rút SARS-CoV-2 lưu hành tại miền Bắc Việt Nam, 2020-2021.	ThS. Ứng thị Hồng Trang THS. Nguyễn Vũ Sơn		06/2021-03/2022	100	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
12	Đánh giá đáp ứng miễn dịch với vắc xin bại liệt bất hoạt IPV ở trẻ từ 5-11 tháng tuổi tại tỉnh Thanh Hóa.	GS. Đặng Đức Anh TS. Đặng Thị Thanh Huyền		03/2020-12/2021	198,728	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Hà Nội, ngày .08 tháng 5. năm 2023 *duy*

Phó Viện trưởng
Phụ trách quản lý, điều hành



Đương Thị Hồng

